
VAI TRÒ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐỐI VỚI VÙNG THỦ ĐÔ

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Khoa Môi trường, Biến đổi Khí hậu và Đô Thị - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: huyennt@neu.edu.vn

Mã bài: JED-1147

Ngày nhận bài: 10/01/2023

Ngày nhận bài sửa: 28/02/2023

Ngày duyệt đăng: 02/03/2023

DOI: 10.33301/JED.VI.1147

Tóm tắt

Bài báo chỉ rõ vai trò của phát triển kinh tế vùng đô thị. Phân tích thực trạng tình hình kinh tế - xã hội năm năm gần đây của Hà Nội cho thấy vai trò động lực kinh tế - xã hội dẫn đầu của cả nước, đặc biệt có vai trò quan trọng đối với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô. Bài viết đã chỉ ra thu nhập bình quân đầu người/tháng của Hà Nội và các tỉnh lân cận thuộc Vùng Thủ đô gia tăng hàng năm, mức thu nhập bình quân/người/tháng của Hà Nội cao hơn các tỉnh của vùng, thậm chí so với Hòa Bình cao gấp 2,3 lần, so với Phú Thọ cao gấp 1,86 lần. Tác giả dự báo rằng, với tốc độ tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động bình quân của thủ đô, ước tính đến năm 2025 năng suất lao động bình quân đạt khoảng 358 triệu VND/người, GRDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 165 triệu VND/người. Trên cơ sở đó, bài báo đưa ra các giải pháp phát huy vai trò động lực của Hà Nội trong phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô.

Từ khóa: Kinh tế vùng, Phát triển kinh tế, Vùng Thủ đô.

The Role of Hanoi in Encouraging Socio-Economic Development of The Capital Area

Abstract

This research aims to highlight the vital role of urban economic development by analyzing the current socio-economic situation of Hanoi in the last five years to determine the leading role of the socio-economic driving force of the whole country, especially for the provinces in the capital region. It has shown that the average monthly income per capita of Hanoi citizens and nearby provinces increases yearly. The average monthly income per capita in Hanoi is higher than that of other regional provinces, 2.3 times and 1.86 times as high as that of Hoa Binh and Phu Tho, respectively. Based on Hanoi's current economic growth rate and average labor productivity, the author forecasts that by 2025, the average labor productivity will reach about 358 million VND/person, and the GRDP per capita is estimated at 165 million VND. The paper concludes with solutions to promote the dynamic role of the capital in socio-economic development in the Capital region.

Keywords: Capital Region, Regional economic, Economic development.

JEL Codes: R, R00, R11

1. Giới thiệu

Vấn đề phát triển kinh tế vùng, liên kết vùng kinh tế đã được Đảng và Nhà nước quan tâm từ hơn 10 năm qua, với việc ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách, đầu tư. Thực tế, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Nhà nước đã chú trọng đến phát triển theo vùng để phát huy lợi thế đặc thù của mỗi vùng về vị trí, địa chính trị, nguồn nhân lực, điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng. Mỗi vùng đều có cơ chế chính sách đặc thù trên cơ sở xây dựng vùng thành một thể thống nhất. Ngoài các vùng kinh tế, kinh tế trọng điểm còn các vùng đặc thù trong đó có Vùng Thủ đô. Vùng Thủ đô Hà Nội là một trong hai vùng đô thị Việt Nam theo quy hoạch của Bộ Xây dựng nhằm định hướng phát triển đô thị. Vùng Thủ đô Hà Nội lấy thành phố Hà Nội làm đô thị trung tâm và các thành phố, thị xã của các tỉnh lân cận Hà Nội làm đô thị vệ tinh. Đào Ngọc Nghiêm (2022) cho rằng Vùng Thủ đô được chú trọng phát triển liên kết từ năm 2003 với 8 tỉnh, Thành Phố gồm: Hà Nội, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam và Hòa Bình. Năm 2008 đã có quy hoạch vùng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi Hà Nội điều chỉnh địa giới. Đến năm 2012, Vùng Thủ đô được điều chỉnh gồm Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình và mở rộng thêm 3 tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang với diện tích hơn 24.300 km², dân số gần 18 triệu người.

Để có định hướng phát triển và liên kết, Thủ tướng Chính phủ (2016) đã phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, với mục tiêu là vùng đô thị đa cực, tập trung, vùng phát triển kinh tế tổng hợp, có môi trường sống, cảnh quan phong phú mang đậm bản sắc dân tộc và phát triển theo hướng hiện đại từ tiềm năng, sức mạnh nội tại, truyền thống lịch sử.

Quy hoạch Vùng đã xác định Hà Nội có vị thế là Thủ đô, trung tâm đầu não hành chính, chính trị quốc gia; trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước; là một trong những trung tâm lớn về kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Mục tiêu này đã cụ thể hóa trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được Quốc hội thông qua và Chính phủ phê duyệt năm 2011. Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (2022), kết quả phát triển kinh tế - xã hội của 5 tháng đầu năm 2022 với những con số tăng trưởng thuận lợi đã mang lại nhiều kỳ vọng cho Thủ đô hướng đến đạt mục tiêu tăng trưởng của cả năm. Đây là dấu mốc đặc biệt của thành phố sau 2 năm bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Theo đó, sản xuất và kinh doanh của Thành Phố Hà Nội đang phục hồi mạnh mẽ. Trong 05 tháng đầu năm 2022, Hà Nội thu hút đầu tư nước ngoài đạt 312 triệu USD; thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách 2.117 tỷ VND. Có 2.427 doanh nghiệp thành lập mới, với số vốn đăng ký là 22.477 tỷ VND. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 164.200 tỷ VND, đạt 52,7% dự toán, bằng 127,3% so với cùng kỳ. Xuất khẩu phục hồi mạnh, kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm đạt 6,91 tỷ USD, tăng 18,8% (Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, 2022).

Đây là kết quả của việc thực hiện nghị quyết của Chính phủ (2022) về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ngay từ đầu năm, cả hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội đã chủ động, quyết liệt thực hiện hiệu quả các giải pháp phục hồi, phát triển kinh tế trên các ngành, lĩnh vực, vừa bảo đảm an sinh xã hội vừa tập trung công tác phòng, chống dịch Covid-19. Với thành quả phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội như vậy, nghiên cứu này chỉ rõ vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội trong mối liên kết Vùng Thủ đô.

Cụ thể, bài viết phân tích, so sánh kinh tế - xã hội của Hà Nội so với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô, từ đó (1) phân tích thực trạng kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội trong khoảng thời gian từ 2015 đến 2021 và (2) so sánh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô để khẳng định vai trò dẫn đầu về kinh tế - xã hội của Hà Nội trong nhóm Vùng Thủ đô. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp thúc đẩy đô thị Hà Nội trở thành vai trò dẫn dắt về phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô trong giai đoạn 2025-2030.

2. Tổng quan nghiên cứu

Liên kết vùng, theo định nghĩa của CoE, UNDP & LGI (2010), là việc các chính quyền địa phương lân cận nhau cùng nỗ lực thực hiện các công việc xây dựng, phát triển và quản lý các dịch vụ và cơ sở hạ tầng công cộng hoặc trong cung ứng các dịch vụ này nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng và cho mục đích phát triển của địa phương. Theo cách tiếp cận trên, liên kết các địa phương để thúc đẩy phát triển

kinh tế toàn bộ các địa phương tạo thành vùng phát triển toàn diện.

Về mặt lý luận, quyết định có liên kết hay không và liên kết ở mức độ nào phụ thuộc vào nhận thức về lợi ích có được từ liên kết, các chi phí phải bỏ ra trong quá trình đó cũng như những rủi ro có thể gặp phải trong liên kết (Feiock, 2013). Trong quá trình liên kết, có nhiều nhân tố quyết định sự thành công của liên kết thông qua ảnh hưởng đến chi phí liên kết, khả năng tồn thất từ các rủi ro có thể phát sinh. Theo cách tiếp cận này, có nhiều yếu tố môi trường bên ngoài liên kết thuộc các nhóm chính trị - hành chính, địa lý - kinh tế và văn hóa - xã hội có thể tác động đến liên kết (Turrini & cộng sự, 2010). Bên cạnh đó, bản thân nội dung quản trị liên kết cũng là yếu tố quyết định đến sự tham gia của các địa phương và sự thành công của liên kết. Các khía cạnh nổi bật của quản trị liên kết thường được xem xét là cấu trúc, quản lý và lãnh đạo liên kết (Turrini & cộng sự, 2010). Mặt khác, Nguyen Chi Hai & cộng sự (2022) chỉ ra tính liên kết ngành trong vùng gia tăng giá trị sản xuất đáng kể. Nghiên cứu cũng chỉ ra sự liên kết ngành giữa các vùng vừa gia tăng giá trị sản xuất ở các vùng trung tâm, vừa tạo sức lan tỏa cho các cơ sở công nghiệp hình thành ở các địa phương khác trong vùng. Ngoài ra, Uduporuwa (2013) đã chỉ ra tầm quan trọng của sự phát triển kinh tế ở các đô thị lớn, sự phát triển kinh tế ở các đô thị trung tâm có vai trò dẫn dắt nền kinh tế vùng, tác giả khẳng định các địa phương có các siêu đô thị đóng vai trò động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế vùng.

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo phân tích, so sánh kinh tế - xã hội của thủ đô Hà Nội so với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô. Do vậy, phương pháp nghiên cứu cơ bản như thống kê, mô tả, tổng hợp, so sánh được sử dụng. Cụ thể, tác giả nghiên cứu tại bàn các tài liệu để tổng hợp thực trạng về phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô để so sánh, trên cơ sở đó đưa ra các gợi ý giải pháp thúc đẩy Hà Nội trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô. Để nhận thức sự vật, hiện tượng một cách tổng thể cần sử dụng phương pháp tổng hợp. Phương pháp tổng hợp là phương pháp xem xét sự vật, hiện tượng trong các mối liên hệ tổng thể, trong hiện tại, quá khứ và tương lai. Phân tích - tổng hợp các công trình nghiên cứu trước đó, các báo cáo số liệu thống kê, kết nối các thông tin để làm sáng tỏ những nội dung nghiên cứu. Phân tích - tổng hợp được sử dụng để đánh giá một cách khách quan về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại Hà Nội và một số tỉnh thuộc Vùng Thủ đô. Bài viết sẽ được phân tích trên nhiều khía cạnh; xem xét các kết quả nghiên cứu trong mối quan hệ tổng thể. Việc tổng hợp chỉ được thực hiện trên những phân tích khoa học đối với những tài liệu có nguồn trích dẫn đáng tin cậy.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu kinh tế - xã hội chủ yếu thuộc cấp tỉnh, dữ liệu này dựa vào bộ dữ liệu niên giám thống kê do cục thống kê các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô phát hành, cụ thể bao gồm Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Hà Nội. Ngoài ra, nghiên cứu so sánh mức sống dân cư các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô, tác giả dựa vào bộ điều tra mức sống dân cư các năm do Tổng cục Thống kê phát hành.

4. Thực trạng vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội thủ đô Hà Nội đối với Vùng Thủ đô.

4.1. Tình hình xã hội

Dân số trung bình trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 là 8.330,8 nghìn người, tăng 1% so với năm 2020; trong đó, dân số khu vực thành thị là 4.095,3 nghìn người, chiếm 49,2%; khu vực nông thôn chiếm 50,8. Mật độ dân số năm 2021 là 2.480 người/km². Mật độ dân số gia tăng hàng năm thể hiện tốc độ đô thị hóa phát triển tương đối nhanh, trong khi mật độ dân số tập trung tại các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô thấp hơn rất nhiều so với Hà Nội. Cụ thể, năm 2021, mật độ dân số trung bình của Vùng (không gồm Hà Nội) là 864 người/km². Mật độ dân số Hà Nội cao gấp 2,87 lần so với các tỉnh còn lại, con số các năm trước cũng tương tự (Bảng 1). Chỉ tiêu mật độ dân số phản ánh mức độ tập trung dân cư, mật độ cao thể hiện tập trung dân cư cao đồng thời cũng thể hiện tình hình phát triển kinh tế ở khu vực đó.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 3940 nghìn người, chiếm 47,3% dân số toàn thành phố (Cục thống kê Thành phố Hà Nội, 2022); tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo đạt 71,1% (thành thị đạt 83,2% và nông thôn đạt 56,9%), cao hơn 0,9 điểm % so với năm 2020 (Cục thống kê Thành phố Hà Nội, 2022).

Bảng 1 cho thấy, lực lượng lao động Hà Nội từ 15 tuổi trở lên chiếm 37,36% trong tổng số lao động Vùng Thủ đô vào năm 2019; tương tự vào năm 2020 và 2021 là 37,69% và 38,21%. Nếu xét về cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm tại Hà Nội so với toàn bộ Vùng Thủ đô, con số tương ứng là 37,29% vào năm 2019, 37,5% vào năm 2020 và 38,07% năm 2021. Đây là tỷ trọng lớn, thể hiện việc làm trong Vùng Thủ đô do Hà Nội đóng góp là chủ yếu.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về dân số và lao động thành phố Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Dân số trung bình Hà Nội (nghìn người)	7.433,6	7.590,8	7.742,2	7.914,5	8.093,9	8.246,5	8.330,8
Dân số trung bình các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô (nghìn người)			11.264,4	11.794	11.964	12.130,6	12.328,9
Mật độ dân số Hà Nội (người/km ²)	2.213	2.260	2.305	2.356	2.410	2.454	2.480
Mật độ dân số bình quân các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô (người/km ²)			712,6	787,2	830,3	843,1	864,0
Tỷ lệ tăng dân số tại Hà Nội (%)	2,0	2,1	2,0	2,2	2,3	1,9	1,0
Lực lượng lao động Hà Nội từ 15 tuổi trở lên (nghìn người)					3961	3984	3940
Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm tại Hà Nội (nghìn người)					3898	3904	3840
Lực lượng lao động Vùng Thủ đô (không gồm Hà Nội) từ 15 tuổi trở lên (nghìn người)					6.640,7	6.585,7	6.369
Lao động tại Vùng Thủ đô (không gồm Hà Nội) từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm (nghìn người)					6.552,7	6.508	6.246,2

Ghi chú: Theo khái niệm cũ ICLS 19, riêng năm 2021 theo khái niệm mới.

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Hà Nội (2022) và tính toán của tác giả từ số liệu thống kê của các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô năm 2019 và 2022.

4.2. Tình hình kinh tế

Bảng 2: Một số chỉ tiêu của Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hà Nội	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	Bắc Giang	Thái Nguyên	Bắc Ninh	Hải Dương	Hưng Yên	Hà Nam	Hòa Bình
GDP (giá hiện hành)	Tỷ VND	1067540	136183	80.764	129836	125800	227.615	149090	112306	66895	53100
Tốc độ tăng tổng sản phẩm nội địa	%	2,92	8,02	6,28	7,82	6,51	6,9	8,6	6,52	8,85	2,66
Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ VND	267.744	69.577,4	19.179	45.358,5	17.900	32.918	21.046	19.368	22.774	21.636
Tổng trị giá xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	15.489	13.191,4	8,25	16.113	29.097	44.853	9.979	5.261	4.034	0.419
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (vốn đăng ký)	Triệu USD	1017	885,03	800	621,8	143	584	110,9	243,05	235,6	14,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021)

Về đóng góp tăng trưởng GRDP: Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường với biến chủng mới nguy hiểm, lây lan nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các mặt sản xuất và đời sống. Nhưng với sự chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, chính quyền, sự chủ động, kịp thời, hiệu quả của Thành phố trong việc thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và đẩy mạnh phục hồi kinh tế, sự cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân Thủ đô, dịch bệnh trên địa bàn được kiểm soát, kinh tế - xã hội đạt những kết quả nhất định. GRDP năm 2021 tăng 2,92% - mức tăng thấp nhất trong những năm gần đây, so với năm 2015 tăng 7,39%; năm 2016 tăng 7,16%; năm 2017 tăng 7,39%; năm 2018 tăng 7,25%; năm 2019 tăng 7,72%, năm 2020 tăng 4,18%. Nguyên nhân chủ yếu do đại dịch Covid-19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng nặng nề tới tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội cũng như đời sống của nhân

dân. Tuy nhiên, đây cũng là mức tăng khá cao so với cả nước và các tỉnh có đô thị trực thuộc Trung ương, dù so với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô thì tăng trưởng năm 2021 của Hà Nội gần như thấp nhất, chỉ đứng trên Hòa Bình. Năm 2021 GDP cả nước tăng 2,58%; GRDP Bắc Ninh tăng 6,9%; Bắc Giang tăng 7,82%; Hòa Bình tăng 2,66%; Hải Dương tăng 8,6 %; Hưng Yên 6,52%; Hà Nam tăng 8,85%; Phú Thọ tăng 6,28%; Thái Nguyên tăng 6,51% và Vĩnh Phúc tăng 8,02 % (tác giả tổng hợp từ số liệu thống kê của các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô năm 2019 và 2022). Năm 2021 là năm mà các thành phố lớn bị ảnh hưởng nặng nề đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, xét về giá trị tuyệt đối thì tổng sản phẩm nội địa (GRDP) tại Hà Nội cao hơn rất nhiều so với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô. Quy mô GRDP Hà Nội năm 2021 (Bảng 2) theo giá hiện đạt 1.068 nghìn tỷ VND (tương đương 46,1 tỷ USD); GRDP bình quân đầu người đạt 128,1 triệu VND (tương đương 5.533 USD), tăng 3,6% so với năm 2020 (tăng 4,5 triệu VND).

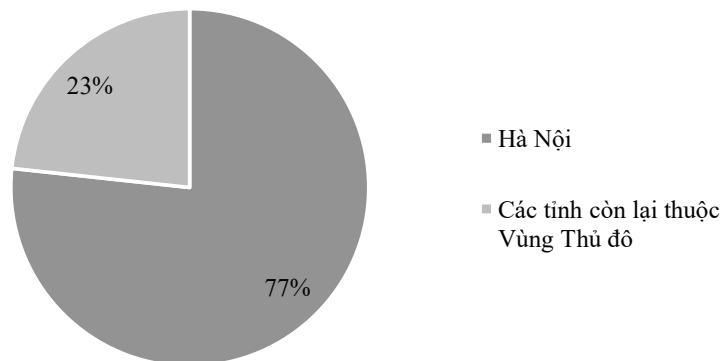
Tổng thu ngân sách: Năm 2021 Hà Nội hoàn thành vượt dự toán Trung ương giao. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 267,744 nghìn tỷ VND, giảm 6,7% so với năm 2020 (Bảng 2). Trong đó, thu nội địa đạt 242,7 nghìn tỷ VND, chiếm 90,7% tổng thu ngân sách, giảm 9% so với năm trước; thu từ dầu thô đạt 2 nghìn tỷ VND, chiếm 0,7% và giảm 5,5%; thu hải quan đạt 22,6 nghìn tỷ VND, chiếm 8,4% và tăng 20,8% (Cục Thống kê Thành phố Hà Nội, 2022). Bảng 2 cho thấy mức thu ngân sách tại Hà Nội cao hơn rất nhiều so với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô, cụ thể gấp 3,85 lần Vĩnh Phúc, 13,96 lần Phú Thọ, gấp 5,9 lần Bắc Giang, gấp 14,96 lần Thái Nguyên, gấp 8,13 lần Bắc Ninh, gấp 12,72 lần Hải Dương, gấp 13,82 lần Hưng Yên, gấp 11,76 lần Hà Nam và gấp 12,37 lần Hòa Bình. Có thể thấy, thu ngân sách Hà Nội chiếm phần nổi trội so với tất cả các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô. Mức thu ngân sách tại Hà Nội đã phần nào phản ánh tình hình phát triển kinh tế của Thủ đô, mặt khác cũng tạo động lực tăng trưởng kinh tế và chứng minh vai trò động lực phát triển kinh tế vùng, đặc biệt là Vùng Thủ đô.

Về tổng giá trị xuất khẩu: Hà Nội năm 2021 ghi nhận sự nỗ lực của hoạt động xuất, nhập khẩu trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19. Kim ngạch xuất khẩu năm 2021 đạt 15.489 triệu USD, tăng 2,2% so với năm trước, trong đó: Xăng, dầu tăng 16,1%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 38,2%; hàng may, dệt tăng 20,5%; máy móc, thiết bị phụ tùng tăng 22%(Cục thống kê Thành Phố Hà Nội, 2022). Dựa vào số liệu tại Bảng 2, có thể thấy giá trị xuất khẩu của Hà Nội so với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô tại Hà Nội chỉ xếp sau Bắc Ninh, Thái Nguyên và Bắc Giang. Cụ thể, giá trị xuất khẩu của Hà Nội gấp 36,97 lần Hòa Bình, gấp 3,84 lần Hà Nam, và gấp 2,94 lần Hưng Yên.

Về thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài: Số dự án được cấp phép mới tại Hà Nội trong năm 2021 đạt 380 dự án, số vốn đăng ký đạt 1.017 triệu USD, giảm 25,8% về số dự án và tăng 9,1% về số vốn đăng ký so với năm 2020. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong năm 2021 đạt 1.207 triệu USD, tăng 5,5% so với năm 2020. Lũy kế đến hết năm 2021, số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép còn hiệu lực là 6.969 dự án, với số vốn đăng ký đạt 37,5 tỷ USD; vốn đã thực hiện đạt 24,7 tỷ USD. Tuy nhiên, so với các tỉnh trong Vùng Thủ đô thì thu hút đầu tư nước ngoài của Hà Nội vẫn cao hơn các tỉnh (Bảng 2). Cụ thể năm 2021, số vốn đăng ký năm 2021 tại Hà Nội ít nhất gấp 1,15 lần Vĩnh Phúc và cao nhất gấp 67,8 lần về vốn đăng ký. Điều này chứng tỏ Hà Nội vẫn là điểm đến hấp dẫn của các công ty nước ngoài. Do vậy, Hà Nội cần phát huy vai trò kết nối vùng để các nhà đầu tư nước ngoài chuyển dịch hướng sang đầu tư các tỉnh khác thuộc Vùng Thủ đô.

Về số lượng doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn: Số doanh nghiệp hoạt động tại địa bàn Hà Nội tính đến 31/12 các năm 2015 là 103.625. Các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 có con số tương ứng lần lượt là 121.549, 129.561, 141.439 và 144.692 doanh nghiệp (chiếm 21,12% số lượng doanh nghiệp của cả nước, tính đến 30/12/2020 có 683.600 doanh nghiệp). Số doanh nghiệp thực tế hoạt động của Hà Nội tại thời điểm 31/12/2020 có phát sinh doanh thu là 144.692 doanh nghiệp (không bao gồm 59 tập đoàn, tổng công ty có hoạt động hạch toán toàn ngành do Tổng cục Thống kê thu thập thông tin theo Phương án điều tra doanh nghiệp năm 2021), tăng 2,3% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, có 395 doanh nghiệp nhà nước, chiếm 0,3% và giảm 5,5%; 140.158 doanh nghiệp ngoài nhà nước, chiếm 96,8% và tăng 2,1%; 4.139 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 2,9% và tăng 10,2%. Xét về số lượng các doanh nghiệp đóng tại địa bàn, Hà Nội chiếm xấp xỉ 77% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Vùng Thủ đô tính đến 31/12/2020 (Hình 1).

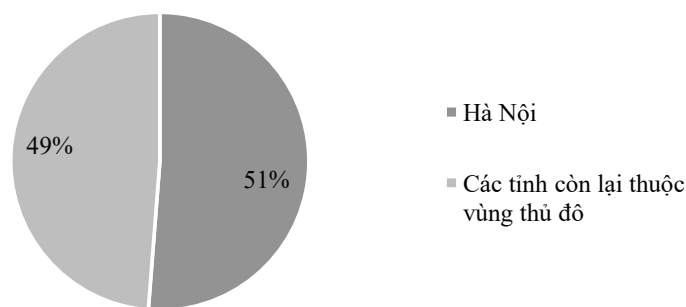
Hình 1: Tỷ trọng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Hà Nội so với các tỉnh còn lại thuộc Vùng Thủ đô tính đến 31/12/2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021) và Tổng cục Thống kê (2022)

Số lao động hoạt động trong doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2020 ở Hà Nội là 2.174,2 nghìn người, giảm 9,7% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực ngoài nhà nước thu hút nhiều lao động nhất với 1687,9 nghìn người, chiếm 77,6% và giảm 11,2%; tiếp đến là khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với 325,2 nghìn lao động, chiếm 15,0% và tăng 1,0%; doanh nghiệp nhà nước có 161,1 nghìn lao động, chiếm 7,4% và giảm 13,7%. Xét về tỷ trọng lao động hoạt động trong doanh nghiệp tại Hà Nội so với các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô thì Hà Nội vẫn chiếm ưu thế với mức xấp xỉ 51%, trong khi các tỉnh còn lại chỉ chiếm xấp xỉ 49% (Hình 2).

Hình 2: Tỷ trọng lao động làm việc tại các Doanh nghiệp ở Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô năm 2020



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu thống kê của các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô năm 2021..

Về thu nhập bình quân đầu người, Bảng 3 cho thấy thu nhập bình quân đầu người/ tháng của Hà Nội và các tỉnh lân cận thuộc Vùng Thủ đô gia tăng hàng năm. Mức thu nhập bình quân/ người/tháng của Hà Nội cao hơn các tỉnh của vùng, thậm chí so với Hòa Bình cao gấp 2,3 lần, so với Phú Thọ cao gấp 1,86 lần. Sự chênh lệch thu nhập giữa Hà Nội và các vùng lân cận này khẳng định rằng Hà Nội là đầu tàu nền kinh tế Vùng Thủ đô.

**Bảng 3: Thu nhập bình quân đầu người/ tháng tại Hà Nội
và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô**

Đơn vị tính (1.000đ)

Tỉnh	2010	2012	2014	2016	2018	2019	2020
Hà Nội	2.012,9	2.944,9	4.112,7	4.874,6	5.900,5	6.403,0	6.202,3
Phú Thọ	1.126,1	1.578,7	1.954,4	2.374,6	2.890,8	3.181,9	3.332,3
Vĩnh Phúc	1.231,7	1.866,8	2.377,8	2.860,3	3.696,3	4.085,9	4.291,8
Thái Nguyên	1.149,4	1.747,1	2.238,5	3.005,2	4.002,0	4.278,9	3.802,9
Bắc Ninh	1.646,2	2.501,8	3.511,7	4.308,0	5.441,4	5.714,3	5.439,7
Bắc Giang	1.103,2	1.567,8	2.173,7	2.778,3	3.446,9	3.772,8	3.922,2
Hưng Yên	1.199,1	1.803,2	2.191,9	2.895,5	3.838,2	4.182,6	4.043,1
Hải Dương	1.306,4	2.047	2.755,0	3.168,7	3.691,4	4.090,7	4.388,9
Hà Nam	1.150,2	1.753,9	2.198,0	2.826,1	3.604,4	3.928,0	4.029,1
Hòa Bình	829,3	1.219,2	1.597,9	1.925,0	2.293,9	2.493,9	2.708,5

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021) và Tổng cục Thống kê (2022)

5. Dự báo tăng trưởng kinh tế và đề xuất giải pháp thúc đẩy Hà Nội trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô giai đoạn 2025-2030

5.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế thủ đô Hà nội

Dựa vào các dữ liệu về GRDP so sánh từ năm 2014 đến năm 2020, tác giả dự báo được tốc độ tăng GDRP của Hà Nội (theo kịch bản phục hồi kinh tế) bình quân thời kỳ 2021-2025 đạt khoảng 6%/năm. Tương tự, tác giả dựa vào dữ liệu với tốc độ tăng dân số bình quân khoảng 1,76%/năm, tỷ lệ lao động làm việc chiếm khoảng 47,32%, và ước tính rằng, đến năm 2025, năng suất lao động bình quân đạt khoảng 358 triệu VND/người, GRDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 165 triệu VND/người.

5.2. Đề xuất giải pháp thúc đẩy Hà nội trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô giai đoạn 2025-2030

Để Hà Nội trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô, cần thực hiện một số giải pháp sau:

5.2.1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Chính quyền địa phương cần phải hỗ trợ tích cực và có mục đích cho quá trình phát triển kinh tế. Bằng cách tham gia với tư cách là một bên liên quan trong nền kinh tế địa phương, chính quyền địa phương thừa nhận mối quan hệ cộng sinh giữa nền kinh tế của mình, sự thành công của cộng đồng doanh nghiệp, mức sống của người dân và các dịch vụ mà họ cung cấp cho cộng đồng. Bằng cách thể hiện vai trò lãnh đạo trong phát triển kinh tế, các nhà chính quyền địa phương thiết lập khả năng điều chỉnh các chính sách phát triển địa phương và hành chính công theo hướng hỗ trợ quá trình phát triển. Ở nhiều nơi, năng lực của chính quyền địa phương còn hạn chế. Ở các thành phố có năng lực tốt hơn, tác động của sự lãnh đạo trong phát triển kinh tế có thể là sự điều chỉnh gần như ngay lập tức các dịch vụ địa phương để hỗ trợ kinh doanh. Về lâu dài, những nỗ lực này kết hợp với những nỗ lực của các bên liên quan khác sẽ giúp chuyển đổi nền kinh tế địa phương

Ở cấp độ cơ bản nhất, chính sách hỗ trợ kinh doanh là sản phẩm của các cuộc đối thoại giữa chính quyền địa phương với các doanh nghiệp thuộc mọi quy mô, các nhà đầu tư thuộc mọi loại hình, bao gồm các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước để hiểu rõ hơn về nhu cầu và nguyện vọng của họ. Các cuộc đối thoại này cũng có thể giúp chính quyền địa phương hợp tác hiệu quả hơn với các cơ quan đầu tư cấp quốc gia.

Trong nền kinh tế ngày càng thâm dụng tri thức, lực lượng lao động có trình độ cao là yếu tố chính quyết định đến tăng trưởng đầu tư kinh doanh và việc làm. Phát triển có mục tiêu lực lượng lao động có tay nghề cao có thể là một lợi thế cạnh tranh đáng kể của nền kinh tế. Chiến lược phát triển kinh tế có thể xác định các yêu cầu về kỹ năng và hỗ trợ các cơ sở giáo dục để giải quyết các khoảng cách giữa cung và cầu chất lượng

lao động. Các cơ sở giáo dục được định vị để đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế địa phương có thể đóng một vai trò quan trọng trong quá trình này.

5.2.2. Quản trị đô thị hiệu quả

Quản trị hiệu quả là điều kiện thiết yếu để phát triển. Quản trị tốt sẽ cung cấp các dịch vụ cần thiết cho đầu tư của khu vực tư nhân như nước, vệ sinh, cơ sở hạ tầng giao thông và vận tải, thị trường địa phương và ở một số khu vực pháp lý, các dịch vụ y tế và giáo dục. Quản trị đô thị tốt cũng đặt ra bài toán về thuế, phí cũng như các quy định về quy hoạch sử dụng đất. Phần lớn cơ sở hạ tầng do chính quyền địa phương quản lý, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng dài và cũng có vòng đời kéo dài hàng chục năm. Do đó, quản trị địa phương ổn định, hiệu quả, có trách nhiệm và minh bạch, bao gồm chính sách, lập kế hoạch, mua sắm, đầu tư và thuế sẽ đem lại lợi ích đáng kể cho các bên liên quan phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân chấp nhận rủi ro. Nó cũng có thể là một công cụ để giảm bớt sự mất cân bằng kinh tế xã hội sâu sắc, cải thiện điều kiện của người lao động nghèo và tạo việc làm.

Một số nguyên tắc quan trọng cần nêu rõ để hỗ trợ quản trị đô thị hiệu quả. Chính quyền đô thị phải có trách nhiệm với người dân và các thành phần khác nhau trong xã hội đều nên được tham gia vào quá trình ra quyết định (bao gồm doanh nghiệp tư nhân, trường đại học, công đoàn, khu vực phi chính thức, v.v.). Cần có sự rõ ràng về thẩm quyền, phân công trách nhiệm giữa các cấp chính quyền và từng cấp chính quyền được trao quyền để đáp ứng trách nhiệm của mình. Phạm vi kiểm soát theo không gian phải phù hợp, với các chính sách trên toàn thành phố và hàng hóa công cộng do chính quyền toàn thành phố quản lý và các dịch vụ địa phương được cung cấp ở cấp độ phi tập trung hơn. Năng lực và chuyên môn cần được phát triển ở tất cả các cấp, bao gồm cả chức năng phát triển kinh tế trong chính quyền địa phương; tăng cường cơ chế giám sát và đánh giá các chương trình của chính phủ; và tăng cường tính minh bạch thông qua các giải pháp như chính phủ điện tử. Phát triển kinh tế là mục tiêu xuyên suốt của chính quyền địa phương và cần sự hỗ trợ hợp tác từ một số lĩnh vực chức năng đã thảo luận ở trên. Điều quan trọng là cơ cấu chính quyền địa phương phải phản ánh thách thức này và sắp xếp các chức năng hỗ trợ chiến lược phát triển kinh tế như một ưu tiên hàng đầu của thành phố. Khả năng làm việc với khu vực tư nhân, các cơ sở giáo dục và các đối tác phát triển cộng đồng trong việc hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế địa phương là rất cần thiết.

5.2.3. Phát triển đô thị và tăng cường mối liên kết đô thị – nông thôn

Cần phát triển các trung tâm đô thị dọc các hành lang để giảm áp lực cho Hà Nội và thúc đẩy phát triển vùng cân bằng. Hiện nay, mật độ dân số Hà Nội quá đông đúc, một mặt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đô thị Hà Nội, nhưng gần đây cũng bộc lộ những mặt hạn chế như tắc đường (tăng chi phí đi lại), ô nhiễm môi trường, đẩy giá nhà đất tăng cao gây khó khăn cho công tác quản lý đô thị hiệu quả. Công tác phát triển các tuyến đường kết nối các khu vực nông thôn với tâm tăng trưởng đô thị dự kiến sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của các vùng nông thôn.

5.2.4. Thúc đẩy liên kết công nghiệp và dịch vụ giữa các địa phương

Liên kết công nghiệp, dịch vụ chỉ hiệu quả khi khai thác được lợi thế so sánh vào sự phân công lao động trong vùng, gắn với thị trường trong nước và quốc tế. Vì vậy, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh là yếu tố cần thiết để mở rộng không gian phát triển công nghiệp, dịch vụ địa phương. Ngoài ra, cần phải tăng cường sự lan tỏa của các trung tâm công nghiệp, dịch vụ của Vùng. Sự liên kết và lan tỏa của các trung tâm trong phát triển công nghiệp, dịch vụ sẽ thực sự là động lực để liên kết và thúc đẩy sự phát triển của các ngành trong Vùng.

5.2.5. Cơ chế đặc thù để Hà Nội phát huy vai trò động lực kinh tế

Để thực hiện tốt vai trò là động lực trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của Vùng Thủ đô thì Hà Nội cần phải được áp dụng cơ chế đặc thù về sử dụng vốn ngân sách, huy động nguồn lực để thực hiện các dự án trong vùng có liên quan đến Hà Nội. Điều này có ý nghĩa quan trọng để giải quyết các dự án về giao thông (như dự án Vành đai 4 sẽ được khởi công vào tháng 6/2023), về xử lý chất thải rắn, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí. Đây là những dự án liên quan đến các địa phương trong vùng cần Hà Nội được chủ động liên kết để giải quyết có hiệu quả và bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2022), *Nghị quyết số 11/NQ-CP về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền hỗ trợ chương trình*, ban hành ngày 30 tháng 01 năm 2022.
- CoE, UNDP & LGI (2010), *Toolkit Manual on Intermunicipal Cooperation*, Council of Europe, the United Nations Development Program, and Local Government Initiative of the Open Society, retrieved on February 25th, 2023, from <<https://rm.coe.int/imc-intermunicipal-co-operation/1680746ec3>>.
- Cục thống kê Thành phố Hà Nội (2020), *Niên Giám thống kê Thành phố Hà Nội 2019*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Cục thống kê Thành phố Hà Nội (2022), *Niên Giám thống kê Thành phố Hà Nội 2021*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Đào Ngọc Nghiêm (2022), 'Đề Hà Nội là trung tâm, động lực phát triển vùng và cả nước' *Kinh tế Đô thị*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 3 năm 2023, từ <<https://kinhtedothi.vn/de-ha-noi-la-trung-tam-dong-luc-phat-trien-vung-va-ca-nuoc.html>>.
- Fieock, R. C. (2013), 'The institutional collective action framework', *Policy Studies Journal*, 41(3), 397-425.
- Nguyen Chi Hai, Huynh Ngoc Chuong & Tra Trung (2022), 'Linkages and development of local industrial space: Research in the key economic region of Southern Vietnam', *Cogent Economics & Finance*, 10(1). DOI: 10.1080/23322039.2022.2109273.
- Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (2022), *Báo cáo kinh tế - xã hội Hà Nội 06 tháng đầu năm 2022*, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 768/QĐ-TTg của thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050*, ban hành ngày 06 tháng 05 năm 2016.
- Tổng cục Thống kê (2021), *Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 2020*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê 2021*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Turrini, A., Cristofoli, D., Frosini, F., & Nasi, G. (2010), 'Networking Literature about Determinants of Network Effectiveness', *Public Administration*, 88(2), 528-550.
- Uduporuwa, R. J. M. (2013), 'The Role of Dynamic Emerging Urban Centers in Regional Development', *Economic Review*, Feb/Mar, 27-32, retrieved on January 20th, 2023, from <<https://www.researchgate.net/publication/341397101>>.